Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 12.01.2023 10:32:55

BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

Số: 12/QĐ-TTTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v Công bố công khai Dự toán ngân sách năm 2022 của Trung tâm Thông tin

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-BXD ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1); Quyết định số 52/QĐ-BXD ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 2); Quyết định 109/QĐ-BXD ngày 13/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 4); Quyết định 414/QĐ-BXD ngày 13/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 5); Quyết định số 341/QĐ-BXD ngày 29/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt dự toán, giao nhiệm vụ cung cấp dịc vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho Trung tâm Thông tin năm 2022; Quyết định số 953/QĐ-BXD ngày 27/10/2022 về điều chỉnh và giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 từ kinh phí không tự chủ sang kinh phí tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng; Quyết định 1050/QĐ-BXD ngày 14/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh và giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 từ kinh phí tự chủ sang kinh phí không tự chủ đối vơi Trung tâm Thông tin;

Theo đề nghị của Phụ trách Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Trung tâm Thông tin.

(Chi tiết theo Biểu số 02 TT số 90/2018/TT-BTC)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng phòng Tổng hợp, Phụ trách kế toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như điều 3;
- Vụ KHTC (để b/c);
- Website BXD (để công khai);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Quang

Đơn vị: Trung tâm Thông tin
Chương: 019

Biểu số 2
TT số 90/2018/TT-BTC

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-TTTT ngày 12/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Thông tin)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp……..***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
2	Phí	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**14.500**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**14.500**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ - loại 100 - 101**	**2.400**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.400
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ - Loại 100-101	*2.400*
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế - Loại 280 - 332**	**11.800**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	***2.982***
	- Chi thực hiện nhiệm vụ theo chức năng	*2.982*
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.818
	- Chi thực hiện nhiệm vụ theo chức năng	*1.818*
	- Chi thực hiện nhiệm vụ đặc thù	*6.800*
	- Chi thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế	*200*
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**300**
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Loại 250-278)	300
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin - Loại 160 - 171**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	